

Đề thi Học kì 1 Toán lớp 5

(Bộ sách: Kết nối tri thức)

I. TRẮC NGHIỆM. (2 điểm) Mỗi ý đúng ghi nhận 0,5 điểm.

Câu 1. Số thập phân 0,5670 bằng phân số?

A. $\frac{5670}{1000}$

B. $\frac{567}{100}$

C. $\frac{5670}{100}$

D. $\frac{567}{1000}$

Câu 2. Cho các số: 5,879; 5,689; 5,925; 5,798. Các số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 5,689; 5,798; 5,879; 5,925

B. 5,689; 5,879; 5,879; 5,798

C. 5,925; 5,879; 5,798; 5,689

D. 5,925; 5,798; 5,879; 5,689

Câu 3. Số thích hợp điền vào ô trống để được kết quả đúng là: $34,78 < 3\boxed{4}8$.

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 4. $23 \text{ m}^2 45 2 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 23,450

B. 2,3045

C. 2,0345

D. 23,045

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

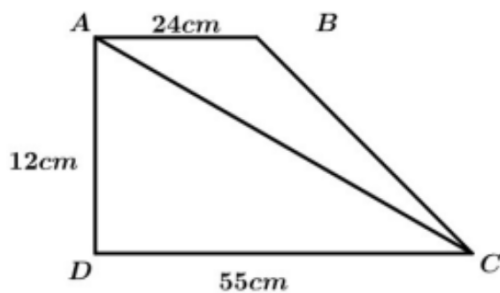
a) $13,794 + 67,915$ b) $28,638 - 19,745$

c) $981,825 : 6,5$ d) $9,46 \times 3,4$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $\frac{4}{7} \times 3\frac{2}{5} + \frac{4}{7} \times \frac{9}{10} - \frac{4}{7} \times \frac{7}{2}$ b) $\frac{3}{4} \times \frac{7}{6} - \frac{7}{4} \times \frac{1}{6} + \frac{2}{3} \times \frac{7}{4}$

Bài 3. Cho hình thang vuông ABCD có $AB = 24 \text{ cm}$; $AD = 12 \text{ cm}$; $DC = 55 \text{ cm}$. Nối A với C ta được hai tam giác ABC và ADC.



a) Tính diện tích mỗi tam giác.

b) Diện tích hình thang ABCD gấp bao nhiêu lần diện tích tam giác ABC?

Bài 4. Hàng ngày Thu đi học bằng xe đạp, Thu thấy rằng cứ đạp được 15 vòng bánh xe thì đi được đoạn đường dài 28,26 m. Hỏi đường kính của bánh xe đạp mà Thu đang đi dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài 5. Cho số n 24681012141618..... được viết với các số tự nhiên chẵn liên tiếp.

Số n có chữ số tận cùng là số nào? Biết n có 106 chữ số.